

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN ĐỒ SƠN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-ST
Ngày 18-7-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đỗ Thị Viện

Bà Nguyễn Thị Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Việt Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 41/2019/TLST-HNGĐ ngày 01-4-2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18-6-2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2019/QĐST-HNGĐ ngày 03-7-2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố B, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng, nơi sinh sống: Thôn Q, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Hoàng Đình K, nơi cư trú: Tổ dân phố B, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 28-3-2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Hoàng Đình K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng ngày 13-7-2009. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm, đánh chửi nhau. Nguyên nhân là do anh K có quan hệ tình cảm với người phụ nữ

khác, thường xuyên vắng nhà, nợ nần nhiều người, sống không có trách nhiệm với vợ con. Gia đình hai bên đã khuyên giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Từ năm 2015 đến nay, chị cùng con trai là Hoàng Đình H1 đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị ở thôn Q, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương và không lần nào quay về nhà chung sống với anh K. Năm 2016, chị đã có đơn ly hôn anh K gửi ra Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, nhưng sau đó được Tòa án phân tích và nghĩ đến con chung nên chị đã rút đơn. Nay, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

Về con chung: Chị và anh K có 01 con chung là Hoàng Đình H1, sinh ngày 12-3-2006. Ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã thu thập chứng cứ đối với gia đình, chính quyền địa phương về quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh K, thể hiện: Do anh chị có mâu thuẫn nên từ năm 2015 đến nay đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không còn quan hệ gì về tình cảm và kinh tế. Hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không có kết quả. Nguyên nhân do anh K có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, thường xuyên vắng nhà, nợ nần nhiều người nên anh chị thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Gia đình và chính quyền địa phương đều xác nhận vợ chồng anh chị có 01 con chung.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của mình, không có mặt theo các quyết định của Tòa án.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã thụ lý đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

Về hôn nhân, mâu thuẫn giữa chị H và anh K rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H được ly hôn anh K; về con chung, cháu Hoàng Đình H1 hiện đang sống và có nguyện vọng ở với chị H, giao con chung là H1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết hoặc cho đến khi chị H và anh K có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định

của pháp luật. Về tài sản chung chị H không yêu cầu nên không đặt vấn đề giải quyết.

Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H nộp đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Hoàng Đình K tại Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn. Bị đơn là anh K có nơi cư trú tại: Phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt nhưng đã vắng mặt tại phiên tòa ngày 03-7-2019, anh K đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh K.

Về hôn nhân:

[3] Chị H và anh K kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng ngày 13-7-2009 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Chị H trình bày phù hợp với các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã làm rõ: Sau khi kết hôn chị H và anh K chung sống hoà thuận, hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất hòa. Từ năm 2015 đến nay, chị H cùng con trai là Hoàng Đình H1 đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị ở thôn Q, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương sinh sống và không lần nào quay về nhà chung sống với anh K. Nguyên nhân là anh K có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác về ruộng bỏ vợ con. Khi xảy ra mâu thuẫn, năm 2016, chị đã có đơn ly hôn anh K gửi ra Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, nhưng sau đó được Tòa án phân tích và nghĩ đến con chung nên chị đã

rút đơn nhưng tình trạng hôn nhân của anh chị vẫn không được cải thiện, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Lời khai của chị H phù hợp với trình bày của gia đình chị H, gia đình anh K và xác nhận của tổ dân phố, chính quyền địa phương nơi anh chị cư trú. Chị H thừa nhận quan hệ hôn nhân của anh chị trên thực tế đã không còn tồn tại, vợ chồng sống ly thân đã lâu nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh K.

[5] Xét thấy, chị H và anh K đã không còn yêu thương, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình; không chung sống với nhau; không tôn trọng và giữ gìn danh dự cho nhau; vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng được quy định tại Điều 19 và Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị H và anh K đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được cần căn cứ theo khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

[6] Về con chung: Chị H và anh K có 01 con chung là Hoàng Đình H1, sinh ngày 12-3-2006. Chị H đề nghị giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử, xét: Việc nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con chung hai bên cha mẹ đều có tình cảm, quyền và trách nhiệm như nhau. Tuy nhiên, anh K thường xuyên vắng nhà, chị H có công việc, thu nhập và chỗ ở ổn định hơn anh K. Từ khi anh chị sống ly thân, con chung ở cùng chị H, để đảm bảo sự ổn định về mặt tâm lý, sự phát triển về mọi mặt của con, cũng như nguyện vọng của con khi ly hôn nên cần áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung Hoàng Đình H1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[7] Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Chị H và anh K có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Hoàng Đình K.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung là Hoàng Đình H1, sinh ngày 12-3-2006 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Hoặc cho đến khi chị H và anh K có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.2. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai số 0006964 ngày 01-4-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị H và anh K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- Dương sự;
- UBND phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tùng

Tại phiên tòa, chị Nhung khai phù hợp như nội dung nêu trên và giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trung vì tình cảm chị dành cho anh đã hết, sống chung chỉ làm khổ nhau; chị đề nghị Tòa án giao hai con chung là Nguyễn Hữu Dũng và Nguyễn Thành Hiếu cho chị trực tiếp nuôi, không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung. Anh Trung vắng mặt, không có lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và **Quyết định hoãn phiên tòa**. Hội đồng xét xử công bố lời khai của anh Trung và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

